

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐÔ

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24



CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐÔ

Số 9, Nhà CT5, Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì, Đường Phạm Hùng
Huyện Từ Liêm, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (trước đây là Công ty Cổ phần Bất động sản Tài Chính Dầu Khí Việt Nam) (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lương Ngọc Lân	Chủ tịch
Ông Phạm Vũ Hoàng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Ủy viên
Bà Lê Thị Lan	Ủy viên
Ông Hoàng Hữu Tâm	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Hữu Tâm	Giám đốc
Ông Nguyễn Khánh Trung	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Giám đốc
Ông Phạm Vũ Hoàng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2011)
Ông Trần Trọng Thủy	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Hoàng Hữu Tâm
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2012

Số  /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 03 đến trang 24. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 26 tháng 3 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thanh Hương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1415/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		102.020.559.469	514.666.246.193
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6.962.331.535	10.342.795.111
1. Tiền	111		3.862.331.535	6.342.795.111
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.100.000.000	4.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.895.000.000	54.135.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	6.855.000.000	54.135.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.960.000.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.103.639.048	179.883.039.493
1. Phải thu khách hàng	131		44.592.628.560	64.762.145.516
2. Trả trước cho người bán	132		9.826.244.400	42.091.383.390
3. Các khoản phải thu khác	135	7	23.684.766.088	73.029.510.587
IV. Hàng tồn kho	140		2.282.593.371	262.335.800.407
1. Hàng tồn kho	141	8	2.282.593.371	262.335.800.407
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.776.995.515	7.969.611.182
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		524.883.286	351.371.223
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.451.117.539	6.332.491.949
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.800.994.690	1.285.748.010
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		612.746.299.321	512.577.841.492
I. Tài sản cố định	220		274.274.072.921	112.994.038.725
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.454.350.125	3.440.900.093
- Nguyên giá	222		6.498.822.961	6.460.322.961
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.044.472.836)	(3.019.422.868)
2. Tài sản cố định vô hình	227		24.395.145	68.883.861
- Nguyên giá	228		185.846.000	185.846.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(161.450.855)	(116.962.139)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	271.795.327.651	109.484.254.771
II. Bất động sản đầu tư	240		5.890.299.999	40.727.298.225
- Nguyên giá	241		5.910.000.000	42.258.613.724
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(19.700.001)	(1.531.315.499)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		332.535.339.594	358.479.302.274
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	332.535.339.594	358.479.302.274
IV. Tài sản dài hạn khác	260		46.586.807	377.202.268
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		36.586.807	367.202.268
2. Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		714.766.858.790	1.027.244.087.685

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		164.536.269.220	449.043.997.922
I. Nợ ngắn hạn	310		157.441.586.955	237.998.890.820
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	75.600.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		8.264.199.746	14.043.925.254
3. Người mua trả tiền trước	313		663.500.000	35.514.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.794.564.951	3.844.984.122
5. Phải trả người lao động	315		2.461.942.977	2.442.725.041
6. Chi phí phải trả	316		535.048.849	9.884.894.930
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	63.960.844.926	167.293.293.959
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.161.485.506	4.975.067.514
II. Nợ dài hạn	330		7.094.682.265	211.045.107.102
1. Phải trả dài hạn khác	333		350.988.561	186.854.795
2. Vay và nợ dài hạn	334	15	6.743.693.704	188.237.931.453
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	22.620.320.854
B. NGUỒN VỐN (400=410+420)	400		550.230.589.570	578.200.089.763
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	550.230.589.570	578.200.089.763
1. Vốn điều lệ	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.195.257.585	5.663.475.179
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.149.469.792	5.663.475.179
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		6.212.889.771	763.908.442
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.672.972.422	66.109.230.963
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		714.766.858.790	1.027.244.087.685



Hoàng Hữu Tâm
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2012

C. Thanh

Nguyễn Công Thành
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		353.903.614.847	27.807.294.392
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		56.817.091	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		353.846.797.756	27.807.294.392
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		318.762.366.249	9.590.437.237
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		35.084.431.507	18.216.857.155
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	33.680.216.600	239.686.947.088
7. Chi phí tài chính	22	18	3.347.925.777	26.578.427.168
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.329.592.544	25.234.763.168
8. Chi phí bán hàng	24		63.204.045	71.642.561
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.575.436.466	27.553.225.611
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		36.778.081.819	203.700.508.903
11. Thu nhập khác	31		1.181.884.536	676.280.162
12. Chi phí khác	32		-	727.432.702
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.181.884.536	(51.152.540)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		37.959.966.355	203.649.356.363
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	8.240.074.089	50.912.339.090
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		29.719.892.266	152.737.017.273
- Trong đó:				
+ Lợi nhuận của Công ty			29.719.892.266	80.915.755.864
+ Lợi nhuận sau thuế phân chia theo Hợp đồng nhận ủy thác đầu tư			-	71.821.261.409
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	594	1.618



Hoàng Hữu Tâm
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2012

C. Thanh

Nguyễn Công Thành
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	37.959.966.355
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	02	1.089.238.685
Các khoản dự phòng	03	1.960.000.000
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(48.121.532.099)
Chi phí lãi vay	06	1.329.592.544
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(5.782.734.515)
Biến động các khoản phải thu	09	(8.865.543.067)
Biến động hàng tồn kho	10	260.053.207.036
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(186.767.401.796)
Biến động chi phí trả trước	12	157.103.398
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.329.592.544)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.251.345.059)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	47.213.693.453
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(180.124.030.375)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(162.750.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	210.030.000.000
4. Tiền chi đầu tư dài hạn	25	(12.283.491.865)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	3.250.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	33.666.577.711
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(108.210.944.529)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	108.600.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(33.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(17.983.212.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	57.616.787.500
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(3.380.463.576)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.342.795.111
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6.962.331.535

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh số 22 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính


Hương Hữu Tâm
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2012


Nguyễn Công Thành
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (trước đây là Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam) (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017950 ngày 15 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên Sàn chứng khoán Hà Nội (Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã giao dịch PFL.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 130 (31 tháng 12 năm 2010: 143).

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản;
- Kinh doanh vật tư thiết bị phục vụ cho các công trình xây dựng, trang thiết bị nội, ngoại thất, cấp thoát nước, môi trường, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng cơ sở;
- Lập dự án đầu tư, xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao;
- Tư vấn xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, môi trường (không bao gồm các dịch vụ thiết kế công trình);
- Tổng thầu EPC các công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, môi trường;
- Ủy thác và nhận ủy thác đầu tư;
- Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Mua bán, xuất nhập khẩu khoáng sản, vật tư, thiết bị, nguyên phụ liệu và các hoạt động khác phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh điện năng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KÝ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ký kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 23.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn dưới 3 tháng và có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính theo tỷ lệ khấu hao hàng năm, cụ thể như sau:

	2011 (số năm)
Máy móc, thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 10
Dụng cụ quản lý	3 - 5

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm văn phòng do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản sau đây:

- Các khoản ủy thác quản lý vốn theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn có thời hạn nhất định và được ghi nhận theo giá gốc. Khoản ủy thác được hưởng lãi suất cố định trong thời hạn ủy thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- Các khoản ủy thác đầu tư theo hợp đồng ủy thác đầu tư, được ghi nhận trên cơ sở giá gốc cộng các khoản phí ủy thác đầu tư.
- Các khoản vốn góp vào các công ty cổ phần, trong đó Công ty nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ, và các khoản đầu tư khác với thời hạn lớn hơn 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trên báo cáo tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã thực hiện mọi biện pháp cần thiết để thu thập các thông tin liên quan đến các khoản đầu tư tài chính dài hạn để xem xét lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn. Tuy nhiên:

- Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn là khoản góp vốn vào các tổ chức kinh tế: Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của một số tổ chức kinh tế mà Công ty góp vốn. Theo đó, các khoản đầu tư tài chính dài hạn là khoản góp vốn vào các tổ chức kinh tế mà Công ty không thể thu thập được thông tin tài chính cần thiết để đánh giá khả năng suy giảm giá trị được trình bày theo giá gốc. Trong trường hợp sau ngày phát hành báo cáo tài chính, nếu có đầy đủ thông tin đáng tin cậy liên quan tới sự giảm giá của các khoản đầu tư dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty sẽ đánh giá mức độ trọng yếu để có những xử lý kế toán phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán hiện hành.
- Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn là các khoản ủy thác đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư: Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách cẩn trọng và tin tưởng rằng giá trị của các khoản đầu tư tài chính dài hạn không bị suy giảm do hầu hết các khoản đầu tư mới đang ở giai đoạn bắt đầu triển khai dự án, các dự án này là đầu tư dài hạn và có triển vọng tốt về trung, dài hạn, các khoản lỗ (nếu có) nằm trong kế hoạch và không đáng kể. Vì vậy, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn này. Trong trường hợp sau ngày phát hành báo cáo tài chính, nếu có đầy đủ thông tin đáng tin cậy liên quan tới sự giảm giá của các khoản đầu tư dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty sẽ đánh giá mức độ trọng yếu để có những xử lý kế toán phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Lãi từ các khoản ủy thác quản lý vốn được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng ủy thác và các thỏa thuận chuyển vốn ủy thác đầu tư.
- Doanh thu từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận trên cơ sở quyết định chia lãi của các công ty con, công ty liên kết và các công ty cổ phần.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	3.640.542.242	2.426.854.523
Tiền gửi ngân hàng	221.789.293	3.915.940.588
Các khoản tương đương tiền	3.100.000.000	4.000.000.000
	6.962.331.535	10.342.795.111

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Hà Quang	-	40.000.000.000
Ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	-	5.000.000.000
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	6.855.000.000	9.135.000.000
	6.855.000.000	54.135.000.000

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	30.982.657.605
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	-	36.942.483.601
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	22.887.832.990	-
Phải thu khác	796.933.098	5.104.369.381
	23.684.766.088	73.029.510.587

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	411.093.371	254.849.800.407
Hàng hóa (*)	1.871.500.000	7.486.000.000
	2.282.593.371	262.335.800.407
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	2.282.593.371	262.335.800.407

(*) Số dư hàng hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 phản ánh giá trị của 01 căn hộ chung cư Hoàng Tháp mà Công ty đã nhận bàn giao từ bên bán và nắm giữ cho mục đích bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2011	96.671.429	4.989.444.779	1.374.206.753	6.460.322.961
Tăng trong năm	13.963.636	-	24.536.364	38.500.000
Tại ngày 31/12/2011	110.635.065	4.989.444.779	1.398.743.117	6.498.822.961
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2011	21.071.238	1.948.674.068	1.049.677.562	3.019.422.868
Khấu hao trong năm	23.400.962	822.300.036	179.348.970	1.025.049.968
Tại ngày 31/12/2011	44.472.200	2.770.974.104	1.229.026.532	4.044.472.836
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	66.162.865	2.218.470.675	169.716.585	2.454.350.125
Tại ngày 31/12/2010	75.600.191	3.040.770.711	324.529.191	3.440.900.093

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	2011 VND	2010 VND
Tại ngày 01 tháng 01	109.484.254.771	301.688.508.332
Tăng trong năm	185.887.733.867	294.939.575.351
Kết chuyển sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	(254.438.707.036)
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(8.980.431.901)
Chuyển nhượng dự án Nam An Khánh	-	(222.997.888.125)
Chuyển nhượng dự án Tòa nhà văn phòng Tập đoàn Dầu khí tại Thanh Hóa	(23.576.660.987)	-
Giảm khác	-	(726.801.850)
Tại ngày 31 tháng 12	271.795.327.651	109.484.254.771

Như được trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất trong tương lai thuộc Dự án Tòa nhà hỗn hợp tại Hải Phòng để đảm bảo cho khoản tiền vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất lô đất CT5E tại Khu đô thị mới Xuân Phương, xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ủy thác Đầu tư tại Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (a)	51.818.181.820	84.804.000.000
Mua cổ phần Công ty Cổ phần Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	51.818.181.820	50.454.545.455
Mua cổ phần Công ty Cổ phần Mỹ Phúc	-	34.349.454.545
Ứng vốn cho dự án liên doanh với Công ty Cổ phần Phú Gia (b)	6.000.000.000	7.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Tây Hà Nội (c)	3.000.000.000	3.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phú Đạt (d)	26.000.000.000	26.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng (e)	15.000.000.000	15.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí (f)	3.000.000.000	-
Góp vốn đầu tư vào Dự án Nam An Khánh (g)	50.953.203.651	50.953.203.651
Góp vốn đầu tư vào Dự án Golden Palace (h)	20.049.750.000	20.049.750.000
Góp vốn đầu tư vào Dự án Long Sơn Riverside (i)	9.539.048.889	9.539.048.889
Góp vốn đầu tư vào Dự án Chung cư BMM (j)	23.253.395.500	24.211.540.000
Góp vốn đầu tư vào Dự án Dolphin Plaza (k)	51.054.259.734	51.054.259.734
Góp vốn đầu tư vào Dự án Dragon City (l)	26.867.500.000	26.867.500.000
Góp vốn đầu tư vào Dự án Hạ tầng khu đô thị sinh thái và dịch vụ Cửu Long (m)	46.000.000.000	40.000.000.000
	332.535.339.594	358.479.302.274

a. Là các khoản đầu tư Công ty chịu rủi ro/hưởng thu nhập, bao gồm:

- Khoản tiền ủy thác đầu tư tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam để mua cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí theo Hợp đồng ủy thác số 11/2007/HDUTĐT-PVFC-PVFCLand ngày 23 tháng 11 năm 2007 với giá trị ủy thác theo hợp đồng là 50.000.000.000 VND, thời hạn ủy thác là 36 tháng (ngày 07 tháng 3 năm 2011, hai bên đã ký phụ lục hợp đồng, theo đó, gia hạn thời hạn ủy thác kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2010 cho đến khi số cổ phần ủy thác theo Hợp đồng ủy thác số 11/2007/HDUTĐT-PVFC-PVFC Land được chuyển nhượng hết), số tiền đã ủy thác tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 50.000.000.000 VND, phí ủy thác đầu tư là 1.818.181.820 VND.
- Khoản tiền ủy thác đầu tư tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam để mua cổ phần Công ty Cổ phần Mỹ Phúc theo Hợp đồng ủy thác số 26/2009/HDUTĐT/PVFC-PVFC Land ngày 13 tháng 3 năm 2009, giá trị ủy thác theo hợp đồng là 34.040.000.000 VND, thời hạn ủy thác là 36 tháng, số tiền đã ủy thác tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 34.040.000.000 VND, phí ủy thác đầu tư là 309.454.545 VND. Khoản ủy thác đầu tư này đã được thanh lý trong năm 2011.
- b. Khoản tiền ứng vốn cho Công ty Cổ phần Phú Gia (trước đây là Công ty Cổ phần Hoàng Liên) được thực hiện trên cơ sở Biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư xây dựng Dự án "Cao ốc văn phòng và chung cư cao tầng" ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Hoàng Liên (nay là Công ty Cổ phần Phú Gia) ngày 29 tháng 11 năm 2007. Theo Biên bản thỏa thuận này, Công ty ứng cho Công ty Cổ phần Phú Gia với số tiền là 6.000.000.000 VND để thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư và khoản tiền ứng trước này sẽ được tính vào vốn góp của Công ty sau khi hoàn thành giai đoạn chuẩn bị đầu tư.
- c. Góp vốn vào Công ty Cổ phần Tây Hà Nội tương đương 300.000 cổ phần, chiếm 11,9% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)

- d. Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phú Đạt với tổng số tiền là 26.000.000.000 VND, tương đương 6% vốn điều lệ.
- e. Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng với tổng số tiền là 15.000.000.000 VND, tương đương 5% vốn điều lệ.
- f. Góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí với tổng số tiền là 3.000.000.000 VND, tương đương 6% vốn điều lệ.
- g. Khoản tiền góp vốn thực hiện đầu tư vào Dự án "Khu chung cư cao cấp dịch vụ hỗn hợp - khu đô thị Nam An Khánh - Hà Nội" theo Hợp đồng số 2607/HĐCNVG-PVFC Land - IMICO ngày 26 tháng 7 năm 2010 ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO.
- h. Khoản tiền góp vốn thực hiện đầu tư vào Dự án "Tổ hợp văn phòng, thương mại và chung cư cao cấp Golden Palace tại xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội" theo Hợp đồng số 01/PVFCLAND-VĐ ngày 15 tháng 7 năm 2010 ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Việt Đức. Theo nội dung Hợp đồng, Công ty tiến hành đầu tư vào dự án và sau khi dự án hoàn thành Công ty sẽ được phân chia sản phẩm của dự án với tổng diện tích sàn là 2.000m².
- i. Khoản tiền góp vốn thực hiện đầu tư vào Dự án "Chung cư Long Sơn Riverside tại 1351 đường Huỳnh Tấn Phát, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh" theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20/2010/BCC/KT-PIVIS-PETROLAND-PVFCLAND ngày 08 tháng 6 năm 2010 ký giữa Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Khang Thông, Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí - IDICO Long Sơn và Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí. Theo nội dung Hợp đồng, bốn (4) bên thống nhất hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án Chung cư Long Sơn Riverside trên khu đất có diện tích 4.863m² tại 1351 đường Huỳnh Tấn Phát. Khi dự án hoàn thành, Công ty được phân chia sản phẩm và lợi nhuận tương ứng với giá trị vốn góp.
- j. Khoản tiền góp vốn thực hiện đầu tư vào Dự án "Đầu tư xây dựng chung cư BMM tại phường Phúc La, quận Hà Đông" theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 20/2010/HĐGV-BMM ngày 24/03/2010 và Hợp đồng góp vốn đầu tư số 21/2010/HĐGV-BMM ngày 25/3/2010 giữa Công ty và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại BMM. Theo nội dung các Hợp đồng này, Công ty có quyền được mua sản các căn hộ tại chung cư BMM.
- k. Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2011/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2011 ký giữa Công ty, Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn tài chính Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần TID. Theo nội dung Hợp đồng, ba bên thỏa thuận cùng đầu tư vốn để thực hiện Dự án "Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28 đường Trần Bình, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội". Cũng theo Hợp đồng này, hai bên thống nhất thành lập pháp nhân mới để khai thác, kinh doanh và quản lý Dự án, chậm nhất là thời điểm hoàn thành xây dựng, bàn giao đưa vào sử dụng.
- l. Khoản tiền góp vốn thực hiện đầu tư vào Dự án "Dragon City" theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 14/2010.HĐHTKD/PL-PVFC Land ngày 29 tháng 3 năm 2010 ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long. Theo nội dung Hợp đồng, Công ty tiến hành đầu tư vào dự án và khi dự án hoàn thành, Công ty được phân chia sản phẩm, lợi nhuận và cùng chịu rủi ro theo tỷ lệ vốn góp.
- m. Khoản tiền góp vốn để thực hiện đầu tư vào Dự án "Đầu tư hạ tầng khu đô thị sinh thái và dịch vụ Cừu Long" theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 60/2010/HĐHTKD/PVC5-PVFC Land ngày 26 tháng 11 năm 2010 ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Hòa Bình và Phụ lục số 01 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 60/2010/HĐHTKD/PVC5-PVFC Land ngày 14 tháng 01 năm 2011. Theo nội dung của Phụ lục này, Công ty tiến hành đầu tư vào Dự án và khi Dự án được quyền chuyển nhượng, Công ty được quyền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Dự án với diện tích đất ở là 110.000 m² và 20.000 m² với diện tích đất dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. VAY NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn phản ánh khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Khoản vay chịu lãi suất 24,8%/năm (lãi suất tiền vay được thay đổi 3 tháng một lần). Lãi tiền vay được thanh toán hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất lô CT5E tại Khu đô thị mới Xuân Phương, xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Khoản tín dụng được rút một lần với tổng số tiền là 75.600.000.000 VND. Thời hạn vay là 9 tháng kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2011.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.767.597.996	3.778.868.966
Các loại thuế khác	26.966.955	66.115.156
	1.794.564.951	3.844.984.122

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	68.442.483.601
Các đối tượng khác	26.335.057.426	98.850.810.358
Cổ tức phải trả	37.625.787.500	-
	63.960.844.926	167.293.293.959

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay và nợ dài hạn phản ánh số tiền vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam dưới hình thức vay đầu tư dự án thông qua Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam. Số dư gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay đầu tư vào Dự án 38A Lê Lợi, Thanh Hóa	-	26.259.885.960
Vay mua cổ phần của Công ty Cổ phần Mỹ Phúc	-	27.232.000.000
Vay đầu tư vào Dự án Khu tổ hợp Thương mại - Dịch vụ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Thanh Hóa	-	129.251.392.662
Vay đầu tư Dự án Tòa nhà hỗn hợp tại Hải Phòng (*)	6.743.693.704	5.494.652.831
	6.743.693.704	188.237.931.453

(*) Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	500.000.000.000	194.750.883	1.617.687.386	1.617.687.386	25.017.811.154	528.447.936.809
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	152.737.017.273	152.737.017.273
Phân phối lợi nhuận	-	809.157.559	4.045.787.793	4.045.787.793	(14.564.836.055)	(5.664.102.910)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
Phân chia theo Hợp đồng nhận ủy thác đầu tư	-	-	-	-	(71.821.261.409)	(71.821.261.409)
Giảm khác	-	(240.000.000)	-	-	(259.500.000)	(499.500.000)
Tại ngày 01/01/2011	500.000.000.000	763.908.442	5.663.475.179	5.663.475.179	66.109.230.963	578.200.089.763
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	29.719.892.266	29.719.892.266
Phân phối lợi nhuận	-	5.828.981.329	5.531.782.406	1.485.994.613	(14.927.150.807)	(2.080.392.459)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(55.000.000.000)	(55.000.000.000)
Giảm khác	-	(380.000.000)	-	-	(229.000.000)	(609.000.000)
Tại ngày 31/12/2011	500.000.000.000	6.212.889.771	11.195.257.585	7.149.469.792	25.672.972.422	550.230.589.570

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND.
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được các chủ sở hữu góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi)		Vốn đã góp	
	'000 VND	%	31/12/2011 '000 VND	31/12/2010 '000 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	180.129.750	36	180.129.750	152.515.750
Công ty Cổ phần Đầu tư Song Kim	65.000.000	13	65.000.000	65.000.000
Công ty TNHH Địa ốc Phú Long	33.960.000	7	33.960.000	33.960.000
Bà Hà Thị Thông	10.000.000	2	10.000.000	10.000.000
Các cổ đông khác	210.910.250	42	210.910.250	238.524.250
	500.000.000	100	500.000.000	500.000.000

Cổ tức và các quỹ

Ngày 16 tháng 4 năm 2011, tại Nghị quyết số 08/04-2011/NQ-ĐHĐCĐ, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau:

- Cổ tức được chia	55.000.000.000 VND
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	4.045.787.793 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	8.091.575.586 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	4.045.787.793 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.664.102.910 VND
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành	809.157.559 VND
- Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	259.500.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐỒ

Số 9, Nhà CT5, Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì, Đường Phạm Hùng
Huyện Từ Liêm, Hà Nội, CHXHXN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Cổ tức và các quỹ (Tiếp theo)**

Trong năm 2010, Công ty đã tạm trích các quỹ từ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010. Ngày 16 tháng 4 năm 2011, khi Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2010, Công ty đã xác định số tiền các quỹ được trích thêm và hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2011.

Trong năm 2011, Công ty đã tạm trích các quỹ từ kết quả kinh doanh năm 2011 theo quyết định của Hội đồng Quản trị, việc phân phối lợi nhuận năm 2011 sẽ được Đại hội đồng cổ đông Công ty chính thức thông qua vào kỳ họp tới. Các quỹ đã tạm trích theo quyết định của Hội đồng Quản trị bao gồm quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát với tổng số tiền là 7.064.575.221 VND.

Cổ phiếu	31/12/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành	50.000.000	50.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011 VND	2010 VND
Ủy thác quản lý vốn	26.444.444	5.096.509.999
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.883.634.238	9.682.479.984
Chuyển nhượng phần vốn góp ở dự án Nam An Khánh	-	207.075.420.000
Chuyển nhượng vốn góp ở Công ty Bất động sản Tài chính Dầu khí Hà Quang	18.000.000.000	15.863.166.667
Chuyển nhượng cổ phần Công ty Mỹ Phúc	8.414.644.455	-
Cổ tức nhận được từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4.999.670.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	355.823.463	1.969.370.438
	33.680.216.600	239.686.947.088

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2011 VND	2010 VND
Chi phí lãi trả chậm vốn ủy thác và lãi vay dài hạn	1.329.592.444	22.418.696.502
Chi phí lãi vay ngắn hạn	-	2.816.066.666
Chi phí tài chính khác	58.333.333	1.343.664.000
Dự phóng giảm giá đầu tư ngắn hạn	1.960.000.000	-
	3.347.925.777	26.578.427.168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2011	2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	37.959.966.355	203.649.356.363
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	4.999.670.000	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	32.960.296.355	203.649.356.363
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.240.074.089	50.912.339.090

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2011	2010
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	29.719.892.266	80.915.755.864
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	594	1.618

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm là 1.529.627.280 VND (năm 2010: 976.253.113). Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	582.137.553	1.282.496.790
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	337.479.000	907.163.061
Sau năm năm	-	240.594.167
	919.616.553	2.430.254.018

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện :

1. Khoản thuê văn phòng Công ty tại số 9 Nhà CT5, Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, Hà Nội, bao gồm 2 Hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 04/2007/HĐKT, ngày 31 tháng 5 năm 2007 ký giữa Công ty và ông Trần Văn Hải về việc thuê căn hộ số 110 và 210 Chung cư cao tầng CT5, Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội. Tổng diện tích thuê là 222,6m², thời hạn thuê là 3 năm tính từ ngày 31 tháng 5 năm 2007, với giá tiền thuê là 6 USD/m²/tháng. Sau thời hạn thuê như trên, Hợp đồng tự động gia hạn thêm 2 năm, giá tiền thuê mỗi năm tăng 5%. Hợp đồng này sẽ hết hạn vào ngày 01 tháng 6 năm 2012.
- Hợp đồng số 20/2007/HĐKT, ngày 01 tháng 11 năm 2007 ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà về việc thuê Kí ốt số 9, Chung cư cao tầng CT5, Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Tổng diện tích thuê là 268m², thời hạn thuê là 3 năm tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2007, với giá tiền thuê là 90.000 đồng/m²/tháng. Sau thời hạn thuê như trên, Hợp đồng tự động gia hạn thêm 2 năm, giá tiền thuê mỗi năm tăng 5%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

2. Hợp đồng số 04/2010/HĐTN ngày 22 tháng 6 năm 2010 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 23 tháng 6 năm 2010 giữa Công ty và ông Phạm Vũ Vinh Quang về việc thuê căn hộ số 117 và 217 Chung cư cao tầng CT5, Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội với tổng diện tích thuê là 195m², thời hạn thuê là 3 năm tính từ ngày 01 tháng 06 năm 2010, giá tiền thuê chưa bao gồm thuế lần lượt là 1.500 USD/tháng và 1.000 USD/tháng. Hợp đồng này đã kết thúc trước hạn vào ngày 31 tháng 01 năm 2012.

22. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO KHOẢN MỤC PHI TIỀN TỆ

Tiền vay phải trả, nợ phải trả được bù trừ với các khoản phải thu từ chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng cổ phần với số tiền là 216.837.439.387 VND. Theo đó, nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến biến động của tiền cũng như không được ghi nhận như một phần của khoản tiền thu hồi các khoản phải thu/tiền chi trả các khoản phải trả.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và số 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.962.331.535	10.342.795.111
Phải thu khách hàng và phải thu khác	68.277.394.648	137.791.656.103
Đầu tư ngắn hạn	4.895.000.000	54.135.000.000
Đầu tư dài hạn	332.535.339.594	358.479.302.274
Tài sản tài chính khác	10.000.000	10.000.000
Tổng cộng	412.680.065.777	560.758.753.488
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	82.343.693.704	188.237.931.453
Phải trả người bán và phải trả khác	72.225.044.672	181.337.219.213
Chi phí phải trả	535.048.849	9.884.894.930
Tổng cộng	155.103.787.225	379.460.045.596

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa, dịch vụ

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa và dịch vụ. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	72.225.044.672	-	72.225.044.672
Chi phí phải trả	535.048.849	-	535.048.849
Các khoản vay	75.600.000.000	6.743.693.704	82.343.693.704
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	181.337.219.213	-	181.337.219.213
Chi phí phải trả	9.884.894.930	-	9.884.894.930
Các khoản vay	-	188.237.931.453	188.237.931.453

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.962.331.535	-	6.962.331.535
Phải thu khách hàng và phải thu khác	68.277.394.648	-	68.277.394.648
Đầu tư ngắn hạn	4.895.000.000	-	4.895.000.000
Đầu tư dài hạn	-	332.535.339.594	332.535.339.594
Tài sản tài chính khác	-	10.000.000	10.000.000
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.342.795.111	-	10.342.795.111
Phải thu khách hàng và phải thu khác	137.791.656.103	-	137.791.656.103
Đầu tư ngắn hạn	54.135.000.000	-	54.135.000.000
Đầu tư dài hạn	-	358.479.302.274	358.479.302.274
Tài sản tài chính khác	-	10.000.000	10.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2011	2010
	VND	VND
Doanh thu tài chính		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	355.823.463	95.333.331
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam	-	2.333.955.557
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	26.444.444	2.667.221.111
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4.999.670.000	-
Chi phí tài chính		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	1.307.892.444	1.358.226.490
Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm		
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.857.439.451	1.431.434.294
Công bố cổ tức	55.000.000.000	25.000.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Góp vốn hợp tác đầu tư		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Hòa Bình	46.000.000.000	40.000.000.000
Các khoản ủy thác đầu tư/quản lý vốn tại		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	51.818.181.820	84.040.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	-	5.000.000.000
Phải thu		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	30.982.657.605
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	31.228.779.545	-
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	256.680.415.054
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	-	22.620.320.854
Vay dài hạn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	27.232.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	6.743.693.704	161.005.931.453
Cổ tức phải trả	37.625.787.500	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Đây là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp, do đó, báo cáo lưu chuyển tiền tệ không có số liệu so sánh.



Hoàng Hữu Tâm
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Công Thành
Kế toán trưởng

